TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HS-ST
Ngày 29-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Thẩm phán: Ông K'Tiêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trung, bà Phan Thị Năm và ông Nguyễn Quang Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng - Cơ sở 2 (trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông cũ), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025:

1. Đối với bị cáo **Lê Thanh T**, sinh ngày 11-9-1990 tại tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn L, xã P, tỉnh Khánh Hòa); tạm trú: Số 34 P, Tổ 8, Khu phố 3, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là Số 34 P, Tổ 8, Khu phố 3, phường H, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng H; có vợ Cà Ron Thị H (chung sống như vợ chồng với H'G và có 02 con lớn sinh năm 2023, nhỏ sinh năm 2025); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-01-2025 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thiên H; địa chỉ: Tổ dân phố 2 N, phường N, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Các bị hại:

2.1. Chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 40 Đường 27, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hiện nay: Số 105 Tỉnh lộ 2, ấp T, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

2.2. Anh Đặng Minh Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 01, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (nay là Thôn 01, xã T, tỉnh Lâm Đồng) - Có mặt.

2.3. Anh Ngô Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn 3, xã B, tỉnh Lâm Đồng) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Từ năm 2020 đến năm 2022, Lê Thanh T làm nghề môi giới bất động sản và bị thua lỗ nên nợ tiền của nhiều người. Đến tháng 7-2024, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức đưa ra thông tin gian dối có số lượng lớn sầu riêng, cà phê tươi cần bán, người nào có nhu cầu mua thì ký hợp đồng rồi chuyển trước 10% giá trị đơn hàng để đặt cọc. Sau khi, nhận được tiền đặt cọc, T chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ, sau đó cắt liên lạc với người mua, cụ thể:

1.1. Ngày 31-7-2024, T đến quán A'B (xã D, tỉnh Lâm Đồng) uống cà phê đến làm quen với chị Võ Thị Mỹ H, giới thiệu số điện thoại 0348 064 766, tài khoản Zalo, Facebook tên "Bá Đạo Fishing MC". Qua nói chuyện T biết chị H muốn kinh doanh sầu riêng kiếm lời, nên đưa ra thông tin gian dối có kho hàng tên Công ty TNHH-XNK Nông sản Bá Đạo Fishing MC ở tỉnh Gia Lai, chuyên thu mua nông sản, sơ chế, đóng gói sầu riêng xuất khẩu. Đến ngày 01-8-2024, T tải hình ảnh lô trái sầu riêng trên mạng internet rồi gửi hình ảnh này cho chị H xem qua ứng dụng Zalo và nói lô sầu riêng này đang cắt tại tỉnh Đắk Lắk, có khối lượng 4.902 kg, giá là 52.000 đồng/kg, thành tiền 254.904.000 đồng. Sau khi trao đổi, chị H đồng ý mua, T đề nghị chuyển 154.904.000 đồng tiền cọc, số tiền 100.000.000 đồng còn lại khi sầu riêng được vận chuyển đến vựa sầu riêng "H T" tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (cũ) theo yêu cầu của chị H sẽ trả đủ. Sau đó, chị H chuyển khoản cho T số tiền 154.904.000 đồng. Nhận được tiền, T rút tiền mặt tiêu xài cá nhân và chặn liên lạc với chị H.

1.2. Thông qua các hội nhóm mua bán nông sản, cuối tháng 10-2024, anh Trần Hoàng N (người môi giới mua bán cà phê tươi) và được T đưa ra thông tin có số lượng hàng nghìn tấn cà phê tươi tại địa bàn các xã của huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (cũ) cần bán, ai mua thì cứ giới thiệu và được trả tiền hoa hồng 1.000 đồng/kg. Sau đó, anh N đã giới thiệu anh Đặng Minh Tr cho T mua cà phê tươi. Anh Tr gặp T và đề nghị mua 100 tấn cà phê tươi, thỏa thuận giá 21.000 đồng/kg. Do số lượng cà phê này anh Tr mua để bán cho anh Phạm Xuân Q nên đã thông báo và được anh Q đồng ý. Đến ngày 29-10-2024, anh N, anh Tr, anh Q và mẹ của Q hẹn gặp T tại quán cà phê V, tọa lạc tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông(cũ)

để ký hợp đồng. Tại đây, T và anh Tr thoả thuận, lập hợp đồng mua bán 100 tấn cà phê tươi với giá 21.000 đồng/kg, đặt cọc trước 10%, hẹn giao hàng trong tháng 12-2024. Sau khi, ký hợp đồng, anh Q chuyển cho anh Tr 210.000.000 đồng tiền cọc (anh Tr lấy tiền lời 10.000.000 đồng, chuyển đến tài khoản của T số tiền 200.000.000 đồng). Nhận được tiền, T cắt liên lạc, không giao cà phê cho anh Tr như thỏa thuận.

1.3. Khoảng tháng 7-2024, do có nhu cầu mua cà phê tươi với số lượng lớn nên anh Ngô Văn H1 nhờ chị Huỳnh Thị Th (xã H, tỉnh Lâm Đồng - là người môi giới cà phê) tìm người có nguồn cà phê tươi để mua, chị Th nói chuyện quen biết với anh Trần Hoàng N, trú tại xã Q, tỉnh Lâm Đồng có nguồn cà phê lớn. Sau đó, anh H1 đề nghị chị Th thỏa thuận giá mua 19.000.000 đồng/kg, trả công môi giới 500 đồng/kg. Lúc này. chị Th trao đổi với anh N, anh N trao đổi lại với T đồng ý giá 19.000.000đ/kg, đặt cọc trước 10% giá trị đơn hàng và yêu cầu không được xem vườn.

1.3.1. Ngày 08-11-2024, chị Th đi cùng anh H1, anh Nguyễn Xuân L đến gặp anh N và T tại quán cà phê ở thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để thoả thuận mua 300 tấn cà phê tươi và yêu cầu dẫn đi xem vườn cà phê rồi mới ký hợp đồng. Sau đó, T dẫn những người trên đi vào khu vực các vườn cà phê ở thôn T, xã Q, nói dối các vườn cà phê này T đã thu mua của người dân đồng bào, yêu cầu không được dừng xe, không được bước vào vườn xem cà phê với lý do rẫy của người đồng bào người ta khó, không cho xem, sợ những người đồng bào tưởng trộm hoặc giành mất mối làm ăn. Sau khi, xem xong vườn cà phê T nói mọi người quay về nhà chị H'G tại thôn 3, xã Q để ký hợp đồng. Tại đây, T thỏa thuận ký hợp đồng bán cho anh H1 300 tấn cà phê tươi, giá 19.000 đồng/kg, tổng tiền 5.700.000.000 đồng, thời gian giao hàng từ ngày 08-12-2024 đến ngày 25-12-2024, đặt cọc trước 10% giá trị hợp đồng 500.000.000 đồng. Lúc này, anh H1 sử dụng mẫu hợp đồng đã chuẩn bị sẵn, viết các thông tin theo thoả thuận rồi các bên ký tên, lăn tay vào hợp đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng, anh H1 chuyển khoản 200.000.000 đồng đến tài khoản của T, chuyển cho chị Th 50.000.000 đồng tiền môi giới và đến ngày 10-11-2024 chuyển khoản 300.000.000 đồng vào tài khoản của T.

1.3.2. Ngày 15-11-2024, anh H gọi điện thoại hỏi muốn mua thêm 300 tấn cà phê tươi, T nói còn dư 300 tấn, đồng ý bán cho anh H1. Ngày 16-11-2024, anh H1 và anh L đến quán cà phê V ở xã Q gặp T và N để ký hợp đồng mua bán cà phê tươi. Tại đây, anh H, anh L, anh N và T lập hợp đồng về việc T bán thêm 300 tấn cà phê tươi với giá 19.000 đồng/kg, đặt cọc trước 300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, anh H1 lần lượt chuyển số tiền 200.000.000 đồng và 100.000.000 đồng đến tài khoản của T.

1.3.3. Đến đầu tháng 12-2024, do chưa thấy T giao cà phê nên anh Tr, anh H1 và anh N gọi điện yêu cầu T giao hàng. Lúc này, T đưa ra nhiều lý do để trì

hoãn việc giao cà phê và hẹn ngày 16-12-2024 sẽ giao 100 tấn cà phê tươi cho Tr và 600 tấn cà phê tươi cho H1. Tuy nhiên, đến ngày 13-12-2024, T đưa ra thông tin gian dối cần tiền thuê người hái cà phê thì mới có cà phê để giao cho anh H1 và yêu cầu anh H1 chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho T, hẹn đến ngày 16-12-2024 giao hàng. Đến ngày 15 và 16-12-2024, anh H, anh L đến nhà chị H'G đưa 100.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 50.000.000 đồng cho T và lập giấy thể hiện việc tạm ứng 150.000.000 đồng trả tiền thuê người hái cà phê. Sau đó T bỏ trốn, cắt liên lạc với anh H1, anh Tr và anh N.

1.4. Tổng số tiền T chiếm đoạt của riêng của chị Võ Thị Mỹ H, anh Đặng Minh Tr và anh Ngô Văn H1 là 1.304.904.000 đồng

2. Kết luận giám định số: 72/KL-KTHS ngày 11-02-2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thanh T dưới mục "bên B" trên các tài liệu cần giám định (02 hợp đồng mua bán 300 tấn cà phê tươi giữa Ngô Văn H1 và Lê Thanh T, ký hiệu A1 và A2) so với chữ ký, chữ viết của Lê Thanh T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1.1 đến M1.3) do cùng một người ký, viết ra. Dấu vân tay màu đỏ bên phải chữ ký mang tên Lê Thanh T dưới mục "bên B" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với dấu vân của Lê Thanh T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2.1, M2.2) là dấu vân tay của cùng một người in ra.

3. Đối với anh Trần Hoàng N và chị Huỳnh Thị Th có hành vi môi giới để Lê Thanh T ký hợp đồng bán cà phê tươi cho anh Đặng Minh Tr và anh Ngô Văn H1. Tuy nhiên, anh N và chị Th không biết thông tin về cà phê tươi do T đưa ra là gian dối, không trao đổi, bàn bạc để chiếm đoạt tiền của anh Tr và anh H1, chỉ nhằm mục đích nhận tiền hoa hồng. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh N và chị Th. Đối với chị H'G, là người chung sống như vợ chồng với Lê Thanh T từ năm 2022. Mặc dù, việc ký hợp đồng và giao tiền với anh H có diễn ra tại nhà chị H'G, sau khi chiếm đoạt được tiền của bị hại, T có chuyển khoản đến tài khoản của chị H'G để nhờ rút tiền mặt đưa lại cho T. Tuy nhiên, việc T có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác không trao đổi, bàn bạc, đồng thời chị H'G không biết nguồn gốc số tiền T chiếm đoạt của người khác, do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị H'G.

4. Cáo trạng số: 22/CT-VKSLĐ-P2 ngày 15-9-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố Lê Thanh T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

5. Tại phiên tòa sơ thẩm:

5.1. Bị cáo trình bày: Quá trình điều tra có sự tham gia của luật sư, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý sự vắng mặt và không yêu cầu phải có luật sư tham

gia; đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền 45.000.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ để bồi thường cho các bị hại, cụ thể: bồi thường cho anh H1 20.000.000 đồng, anh Tr 15.000.000 đồng và chị H 10.000.000 đồng.

5.2. Bị hại: Anh Đặng Minh Tr và anh Ngô Văn H1 đồng ý việc bồi thường của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt còn lại và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thanh T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Thanh T từ 14 năm đến 15 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt (được trừ số tiền đã tự nguyện bồi thường tại phiên tòa).

Bị cáo không có ý kiến bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng sự khoan hồng của pháp luật để sớm có cơ hội lao động khắc phục hậu quả đối với bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng hình sự:

[1.1]. Về sự vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo và bị hại Võ Thị Mỹ H: Xét thấy việc tại phiên tòa bị cáo từ chối người bào chữa và việc vắng mặt của chị H không trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 77, khoản 2 Điều 291 và khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bào chữa của bị cáo và bị hại Võ Thị Mỹ H.

[1.2]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có

trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Từ tháng 31-7-2024 đến ngày 16-12-2024, tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã D, tỉnh Lâm Đồng) và tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng) Lê Thanh T đưa ra thông tin gian dối về việc T có nguồn sầu riêng và cà phê tươi với số lượng lớn để bán cho người khác, người nào có nhu cầu mua thì chuyển trước 10% giá trị đơn hàng để đặt cọc. Với thủ đoạn như trên, T chiếm đoạt tổng số tiền **1.304.904.000** đồng của 03 bị hại, cụ thể: của chị Võ Thị Mỹ H số tiền 154.904.000 đồng, anh Đặng Minh Tr số tiền 200.000.000 đồng và anh Ngô Văn H1 số tiến 950.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, hành vi của Lê Thanh T đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên".

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa đã thỏa thuận sử dụng số tiền đã bị thu giữ bồi thường cho các bị hại, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo.

[5]. Về bồi thường thiệt hại, biện pháp tư pháp:

[5.1]. Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra chị Võ Thị Mỹ H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 154.904.000 đồng, 30.000.000 đồng tiền lãi suất và chi phí đi lại làm việc với Cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng của chị H là không phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ

luật Hình sự; khoản 4 Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 03/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó không được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo trả cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể: chị Võ Thị Mỹ H số tiền 154.904.000 đồng, anh Đặng Minh Tr số tiền 200.000.000 đồng và anh Ngô Văn H1 số tiền 950.000.000 đồng (được trừ số tiền bị cáo đã thỏa thuận bồi thường tại phiên tòa).

[5.2]. Về biện pháp tư pháp: Tiếp tục tạm giữ số tiền 45.000.000 đồng và 04 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Lê Thanh T để đảm bảo thi hành án.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Thanh T 14 *(Mười bốn)* năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01-01-2025.

2. Về bồi thường thiệt hại và biện pháp tư pháp:

2.1. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Lê Thanh T trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt và được trừ vào số tiền 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm triệu đồng)* Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Lê Thanh T và được nộp vào tài khoản của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

2.1.1. Chị Võ Thị Mỹ H 154.904.000đ *(Một trăm năm mươi tư triệu chín trăm linh tư nghìn đồng)*, được trừ 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*, Lê Thanh T tiếp tục bồi thường 144.904.000đ *(Một trăm bốn mươi tư triệu chín trăm linh tư nghìn đồng)*.

2.1.2. Anh Đặng Minh Tr 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*, được trừ 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)*, Lê Thanh T tiếp tục bồi thường 185.000.000đ *(Một trăm tám mươi lăm triệu đồng)*.

2.1.3. Anh Ngô Văn H1 950.000.000đ *(Chín trăm năm mươi triệu đồng)*, được trừ 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*, Lê Thanh T tiếp tục bồi thường 930.000.000đ *(Chín trăm ba mươi triệu đồng)*.

2.1.4. Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, đến khi bồi thường xong các khoản tiền trên hàng tháng bị cáo còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền

chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015: Tiếp tục tạm giữ 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm triệu đồng)* (theo Giấy nộp tiền ngày 29-5-2025 vào tài khoản của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng) và 04 điện thoại di động thu giữ của Lê Thanh T (theo biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 31-12-2024 tại Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng) để đảm bảo thi hành án (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm chuyển giao 04 điện thoại di động và số tiền tạm giữ đã nêu trên đến Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo quy định của pháp luật).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Lê Thanh T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 49.797.120đ *(Bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm hai mươi đồng)*.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo và các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo, các bị hại và người bào chữa;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương